

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2017/HSST

Ngày 22/8/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Sang;

Bà Phạm Hồng Thiêm.

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huyền- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 84/2017/HSST ngày 20/7/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 25/3/1988; nơi sinh: Xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn V, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 09/12. Họ tên bố: Nguyễn Xuân T4, sinh năm 1952; họ tên mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1953; chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 1001 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 25/5/2017. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/5/2017; hiện bị tạm giam tại Trại Tạm giam thuộc Công an tỉnh Thái Bình; trích xuất; có mặt.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn V, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Sỹ M, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T4, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Xuân T1 bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 12 giờ 00 ngày 03/4/2017, bị cáo một mình đi bộ đến nhà chị Nguyễn Thị H ở cùng xã T2 với bị cáo. Thấy cổng nhà chị H mở, không có người, lại thấy chiếc xe mô tô HONDA, nhãn hiệu BLADE, biển kiểm soát 17B6- 255.16 dựng ở góc sân, chìa khóa vẫn cắm tại ổ khóa nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản.

Bị cáo dong xe ra ngoài, đi về nhà tháo biển kiểm soát cất giấu; sau đó đi xe đến nhà ông Nguyễn Sỹ M ở thôn Đ, xã T4 để vay tiền. Trên đường đi, bị cáo tiếp tục tháo 02 gương chiếu hậu vứt xuống sông. Khi gặp ông M, bị cáo hỏi vay tiền ông và đề nghị để chiếc xe lại cho ông M quản lý để làm tin. Ông M đồng ý, đã đưa cho bị cáo mượn số tiền 3.000.000đồng và quản lý chiếc xe do bị cáo để lại. Sau khi vụ án bị phát hiện, Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe mô tô trả cho người bị hại.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 34/KL-ĐG ngày 25/5/2017, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Thái Thụy đã kết luận: 01 chiếc xe mô tô HONDA, nhãn hiệu BLADE giá 12.000.000,đồng (Mười hai triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 82/CT- VKS ngày 19/7/2017, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy quyết định truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 45; Điều 33; đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung; Không đặt ra giải quyết về trách nhiệm dân sự; Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kim.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo trình bày: Do quen biết chị H từ trước nên hồi 12 giờ 00 ngày 03/4/2017, bị cáo đi bộ đến nhà chị H để vay tiền. Khi đến nơi, thấy cổng mở, không có người ở nhà, lại thấy chiếc xe mô tô HONDA, nhãn hiệu BLADE, biển kiểm soát 17B6- 255.16 dựng ở góc sân, chìa khóa vẫn cắm tại ổ khóa nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe. Sau khi trộm cắp xe, bị cáo tháo biển kiểm soát cất giấu; tháo 02 gương chiếu hậu vứt xuống sông. Bị cáo đã dùng chiếc xe để làm tin để vay tiền của ông Nguyễn Sỹ M. Bị cáo nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong quá trình điều tra, người bị hại là chị Nguyễn Thị H trình bày: Hồi 10 giờ 30 ngày 03/4/2017, chị bị mất 01 chiếc xe mô tô HONDA, nhãn hiệu BLADE, biển kiểm soát 17B6- 255.16 khi chị dựng ở góc sân nhà chị. Sau khi vụ án bị phát hiện, chị đã nhận lại xe, không yêu cầu bị cáo bồi thường bất cứ khoản gì khác. Chị đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Sỹ M trình bày: Ngày 03/4/2017, bị cáo hỏi mượn ông số tiền 3.000.000đồng và nói để lại chiếc xe của chị gái bị cáo để làm tin; trước đó ông cho bị cáo mượn 500.000đồng. Do tin bị cáo nên ông đã cho bị cáo mượn tiền và quản lý chiếc xe. Sau khi vụ án bị phát hiện, ông đã tự nguyện giao nộp chiếc xe cho Cơ quan điều tra. Ông không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.500.000đồng mà ông đã cho bị cáo mượn.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đều trình bày: Hồi 12 giờ 00 ngày 03/4/2017, bị cáo một mình hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô HONDA, nhãn hiệu BLADE, biển kiểm soát 17B6- 255.16 của chị Nguyễn Thị H khi chị dừng ở góc sân nhà chị.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng: Biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Các biên bản quản lý vật chứng; Kết luận định giá tài sản; Báo cáo của Ban Công an xã T2; Đơn trình báo, lời khai của người bị hại là chị Nguyễn Thị H, lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn Sỹ M và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 03/4/2017, lợi dụng tài sản không có người trông coi bị cáo T1 đã trộm cắp 01 chiếc xe mô tô trị giá 12.000.000, đồng của chị Nguyễn Thị H. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội “ Trộm cắp tài sản” theo điều luật nêu trên là có cơ sở, đúng pháp luật.

Bị cáo được sinh ra trong gia đình lao động nhưng không chịu tu dưỡng nên đã nghiện ma túy. Để thỏa mãn nhu cầu cá nhân, bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong trông coi tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; hành vi này nguy hiểm cho xã hội nên phải xử lý về hình sự, cần áp dụng Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt tù đối với bị cáo. Như vậy, có thể giáo dục bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Theo các tài liệu, chứng cứ trong quá trình điều tra và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập thấp, cũng không có tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

-Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

-Bị cáo thành khẩn khai báo; tài sản đã thu hồi trả người bị hại bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này: Ông Nguyễn Sỹ M là người nhận giữ 01 chiếc mô tô khi cho bị cáo mượn tiền. Do ông M không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường; ông Nguyễn Sỹ M không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã cho bị cáo mượn. Vì vậy, trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng:

-Trong quá trình tố tụng, Cơ quan điều tra đã trả lại chị Nguyễn Thị H 01 chiếc xe mô tô HONDA, nhãn hiệu BLADE và 01 biển kiểm soát 17B6- 255.16.

-01 chiếc kim sắt là công cụ bị cáo sử dụng phạm tội, có giá trị nhỏ, cần áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

-02 chiếc gương chiếu hậu, bị cáo đã vứt xuống sông; Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thấy.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000, đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt: Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm p Khoản 1; Khoản 2 Điều 46; Điều 45; Điều 33 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T1: 08 (Tám) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 25/5/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

-Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kim hiện đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/7/2017.

5. Về án phí: Áp dụng: Khoản 1; Khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự. Khoản 1 Điều 21; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000, đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thái Thụy;
- Công an huyện Thái Thụy;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN VĂN TÔNG